

Bản án số: 151/2026/HS-ST
Ngày: 24 - 8- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Ngọc Báu và bà Nông Thị Thu Uyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 3 - Cao Bằng tham gia phiên tòa:** Ông Thẩm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 133/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2026/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Đàm Văn T, tên gọi khác: không có; sinh ngày 20 tháng 10 năm 1988, tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm H (nay là xóm H), xã Q, tỉnh Cao Bằng; giới tính: nam; số CCCD: 004088000383, cấp ngày: 07/10/2021; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông **Đàm Văn H**, sinh năm 1959 và bà bà **Lục Thị T1**, sinh năm 1969; vợ: **Hà Thị N**; sinh năm 1986 và có 02, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2020.

Tiền án: Ngày 23/9/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xử phạt 500.000.000 đồng về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm theo bản án số 32/2025/HS-ST.

Nhân thân: Ngày 06/9/2016, bị **Công an phường N**, **thành phố C** (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2026 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Phân trại tạm giam **T** thuộc **Trại giam Công an tỉnh C**; có mặt tại phiên tòa.

2. Kiều Hải H1, tên gọi khác: không có, sinh ngày 02 tháng 4 năm 1982, tại **xã Q, tỉnh Cao Bằng**; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **xóm P, xã Q, tỉnh Cao Bằng**; giới tính: nam; số CCCD: 004082000326, cấp ngày 04/4/2021; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; con ông **Kiều Hải H2**, sinh năm 1956 và bà **Nguyễn Thị H3** (đã chết); vợ: **La Thị T2**, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng) xử phạt 7 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 19/2015/HS-ST.

Ngày 26/01/2007, bị **Công an Phường S, thị xã C** (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 02/QĐ-XPHC.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2026 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Phân trại tạm giam **T** thuộc **Trại giam Công an tỉnh C**; có mặt tại phiên tòa.

3. Hoàng Văn B, tên gọi khác: không có, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1986, tại **xã Đ, tỉnh Cao Bằng**; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: **xóm B (nay là xóm C), xã Đ, tỉnh Cao Bằng**; giới tính: nam; số CCCD: 004086008135, cấp ngày 26/02/2024; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; con ông **Hoàng Văn T3** và bà **Nông Thị L** (đều đã chết); vợ: **Nông Thị N1**, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án: Ngày 22/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 8 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy theo bản án số 30/2014/HS-ST.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 09/06/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 2 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo bản án số 51/2022/HS-ST.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2026 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

4. Nông Văn D, tên gọi khác: không có, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2000, tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm T (nay là xóm B), xã Đ, tỉnh Cao Bằng; giới tính: nam; số CCCD: 0040200002466, cấp ngày 24/3/2025; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không, nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nông Văn Í, sinh năm 1978 và bà La Thị T4, sinh năm 1974; vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2026 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

5. Lục Văn H4, tên gọi khác: không có, sinh ngày 11 tháng 01 năm 1993, tại xã Đ, tỉnh Cao Bằng; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: xóm T (nay là xóm B), xã Đ, tỉnh Cao Bằng; giới tính: nam; số CCCD: 004093007554, cấp ngày 04/4/2021; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lục Văn T5 và bà Chu Thị L1 (đều đã chết); vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2026 đến nay, hiện nay đang tạm giam tại Phân trại tạm giam T thuộc Trại giam Công an tỉnh C; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông Kiều Hải H2, sinh năm 1956; nơi thường trú: xóm P, xã Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 20 phút ngày 19/3/2026, Tổ công tác Công an xã Đ chủ trì phối hợp với Đoàn Biên phòng Đ thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát đảm bảo an ninh trật tự tại xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng phát hiện 01 người đàn ông tên là Nông Văn D đang bước bộ trên đường gần khu vực miếu T8 xóm Đ có biểu hiện nghi vấn thực hiện hành vi phạm tội về ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Kết quả: Phát hiện trong lòng bàn tay bên phải của Nông Văn D có 01 gói ni lông màu đen, bên ngoài được quấn bằng lớp băng dính trong suốt, bên trong chứa chất bột màu trắng (nghi là Heroine). Tổ công tác đã tiến hành tạm giữ các đồ

vật sau để phục vụ công tác điều tra gồm: 01 gói chất bột màu trắng được gói bằng lớp ni lông màu đen và cuốn bằng băng dính trong suốt (nghỉ là H5); 01 điện thoại di động màu vàng, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, đã qua sử dụng.

Mở rộng điều tra xác định khoảng 16 giờ ngày 19/3/2026 Đàm Văn T, trú tại xóm H, xã Q, tỉnh Cao Bằng liên lạc qua zalo bảo Kiều Hải H1 lấy xe ô tô của H1 chở T vào khu vực xã T để tìm mua ma túy.

Khi đến xã T, T nảy sinh ý định mua ma túy sử dụng và rủ Kiều Hải H1 tìm mua ma túy, H1 đồng ý và sử dụng số điện thoại của H1 gọi cho Hoàng Văn B nhờ B mua giúp ma túy. Sau đó, H1 điều khiển xe ô tô chở T xuống xã P cũ để đón B. Trên đường đi, T đưa cho H1 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để H1 đưa cho B nhờ mua ma túy. Sau khi gặp nhau, B bảo H1 lái xe xuống cây xăng thuộc xóm P, xã Đ. Đồng thời, B liên lạc với Nông Văn D nhờ D đi mua ma túy. D nhận lời và nhờ Lục Văn H4 chở D đến gặp B lấy tiền đi mua ma túy. Khi đến cây xăng, H1 dừng xe đợi và đưa cho B một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Đợi được khoảng 20 phút thì H4 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter chở D đến nhận tiền với B rồi H4 chở D đi đến xóm Đ, xã Đ và D sử dụng điện thoại di động của H4 để gọi điện thoại hỏi mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, D bị bắt quả tang. Sau đó Lục Văn H4, Kiều Hải H1, Đàm Văn T và Hoàng Văn B bị Công an xã Đ triệu tập đến trụ sở Công an xã làm việc.

Hồi 17 giờ 30 ngày 20/3/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành mở niêm phong cân xác khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả cân số chất bột màu trắng thu giữ của Nông Văn D có khối lượng 0,40 gam.

Tại kết luận giám định số 160/KL-KTHS, ngày 27/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine”.

Tại bản Cáo trạng số 77/CT-VKSKV3 ngày 15/7/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận nội dung bản Cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Kiều Hải H2 khai: Ông là bố đẻ của bị cáo Kiều Hải H1, chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30A-198.44 thuộc sở hữu của ông, ông mua chiếc xe có lập hợp đồng mua bán vào năm 2025 với giá 200.000.000 đồng và chưa sang tên giấy tờ xe. Ngày 19/3/2026 bị cáo H1 sử dụng chiếc xe đi mua ma túy ông không biết, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe ô tô cho ông.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo **Đàm Văn T**, **Kiều Hải H1**, **Hoàng Văn B**, **Nông Văn D** và **Lục Văn H4** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đàm Văn T** và **Kiều Hải H1** từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt các bị cáo **Nông Văn D**, **Lục Văn H4** và **Hoàng Văn B** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Số 160KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Nông Văn D** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy”; 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng (phong bì niêm phong ban đầu, gói ni lông màu đen, băng dính trong suốt) thu giữ đối với **Nông Văn D**”. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động tạm giữ của **Kiều Hải H1**; 01 điện thoại di động tạm giữ của **Lục Văn H4**; 01 điện thoại di động tạm giữ của **Hoàng Văn B**; 01 điện thoại di động tạm giữ của **Nông Văn D**; 01 điện thoại di động tạm giữ của **Đàm Văn T**; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter gắn biển kiểm soát 11K1 - 137.96 tạm giữ của bị cáo **Lục Văn H4**; trả cho ông **Kiều Hải H2** 01 chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30A-198.44. Về án phí, bị cáo **Nông Văn D**, **Hoàng Văn B** và **Lục Văn H4** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo **Đàm Văn T** và **Kiều Hải H1** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo **Kiều Hải H1**, **Hoàng Văn B**, **Nông Văn D** và **Lục Văn H4** cùng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến trong phần tranh luận.

Bị cáo **Đàm Văn T** tranh luận: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A14 của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên bị cáo đề nghị được trả lại chiếc điện thoại.

Kiểm sát viên đối đáp với ý kiến của bị cáo: Chiếc điện thoại di động của bị cáo dùng để liên lạc với bị cáo **Kiều Hải H1**, tuy nhiên không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo **T**.

Tại lời nói sau cùng các bị cáo đều mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 19/3/2026 **Đàm Văn T** gọi điện thoại bảo **Kiều Hải H1** lấy xe ô tô của **H1** chở **T** từ xã **Q** vào khu vực xã **T** để tìm mua bè cá lồng. Trên đường đi **T** nảy sinh ý định mua ma túy và rủ **Kiều Hải H1** tìm mua ma túy, **H1** nhất trí và sử dụng điện thoại của **H1** gọi cho **Hoàng Văn B** nhờ **B** mua ma túy và sẽ chia ma túy cho **B** nếu mua được. Sau đó **H1** điều khiển xe ô tô chở **T** xuống xã **P** cũ để đón **B**. Trên đường đi, **T** đưa cho **H1** 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để **H1** đưa cho **B**. Sau khi gặp nhau, **B** bảo **H1** lái xe xuống cây xăng thuộc xóm **P**, xã **Đ**, tỉnh **Cao Bằng** đồng thời **B** liên lạc với **Nông Văn D** nhờ **D** đi mua ma túy và hứa hẹn sẽ chia ma túy cho **D** sử dụng, **B** hẹn **D** địa điểm nhận tiền tại cây xăng. **D** nhận lời và nhờ **Lục Văn H4** chở **D** đến gặp **B** lấy tiền đi mua ma túy và **D** nói với **H4** nếu mua được ma túy sẽ chia cho **H4** sử dụng. Khi đến cây xăng, **H1** đưa cho **B** một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và đợi khoảng 20 phút thì **Lục Văn H4** điều khiển xe mô tô chở **D** đến nhận tiền với **B** rồi **H4** chở **D** đi đến xóm **Đ**, xã **Đ** để mua ma túy, **D** sử dụng điện thoại di động của **H4** để gọi điện thoại cho người bán ma túy rồi **D** trực tiếp giao dịch mua ma túy. Sau khi mua được ma túy, vào hồi 20 giờ 20 phút ngày 19/3/2026 tại xóm **Đ**, xã **Đ**, tỉnh **Cao Bằng**, lực lượng chức năng đã phát hiện, bắt quả tang **Nông Văn D** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu giữ trong lòng bàn tay bên phải **Nông Văn D** 01 gói ni lông màu đen, bên ngoài được quấn bằng lớp băng dính trong suốt, **D** khai nhận bên trong gói ni lông có ma túy, loại Heroine **D** mua để sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C tiến hành mở niêm phong cân xác khối lượng vật chứng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả cân số chất bột màu trắng thu giữ của Nông Văn D có khối lượng 0,40 gam.

Tại kết luận giám định số 160/KL-KTHS ngày 27/3/2026 của Phòng K Công an tỉnh C kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine”.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Nông Văn D, Lục Văn H4, Hoàng Văn B, Kiều Hải H1 và Đàm Văn T đã phạm vào Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát khu vực 3 - Cao Bằng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền kiểm soát và quản lý các chất ma túy của Nhà nước, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo biết tác hại của ma túy tuy nhiên ý thức chấp hành pháp luật kém nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh trước pháp luật.

Hành vi của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn và cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khối lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang là 0,40 gam. Bị cáo Đàm Văn T là người khởi xướng và bỏ tiền ra mua ma túy; bị cáo Kiều Hải H1, Hoàng Văn B là người giúp sức, giữ vai trò trung gian chuyển tiền và liên lạc với nhau tìm mua ma túy; bị cáo Lục Văn H4 là người giúp sức, sử dụng xe mô tô của mình trực tiếp chở Nông Văn D đi nhận tiền và mua ma túy đồng thời cho D mượn điện thoại liên lạc với người bán ma túy; bị cáo Nông Văn D là người thực hành, trực tiếp đi mua ma túy. Bị cáo Đàm Văn T, Kiều Hải H1 và Hoàng Văn B có tiền án, tiền sự, nhân thân xấu nên khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo cần nghiêm khắc hơn bị cáo Nông Văn D và Lục Văn H4.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều nghiện ma túy, bị cáo Nông Văn D và Lục Văn H4 chưa có tiền án, tiền sự;

Bị cáo Đàm Văn T: Ngày 06/9/2016, bị Công an phường N, thành phố C (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 23/9/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng xử phạt 500.000.000 đồng về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm; bị cáo chưa được xóa án tích.

Bị cáo Kiều Hải H1: Ngày 26/01/2007, bị Công an Phường S, thị xã C (cũ) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 30/11/2015, bị Tòa án nhân dân huyện

Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng) xử phạt 7 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy; đã được xóa án tích.

Bị cáo **Hoàng Văn B**: Ngày 22/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 8 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích; ngày 09/06/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 2 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đã được xóa án tích.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo **Hoàng Văn B**, **Nông Văn D** là **Lực Văn H4** là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **Đàm Văn T** ngày 23/9/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 3- Cao Bằng xử phạt 500.000.000 đồng về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm và bị cáo **Hoàng Văn B** ngày 22/7/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng) xử phạt 8 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên bị cáo **T** và **B** phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, sau khi xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy để ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới thì việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Quá trình điều tra xác định bị cáo **Kiều Hải H1** là người sử dụng trái phép chất ma túy; tuy nhiên, hành vi không đủ yếu tố cấu thành Tội sử dụng trái phép chất ma túy quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự nên cơ quan Điều tra không xử lý bị cáo về **T6** sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định pháp luật.

[8] Về nguồn gốc ma túy, bị cáo **Nông Văn D** khai mua với một người đàn ông không quen biết ở **xóm Đ, xã Đ, tỉnh Cao Bằng**; Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể của người đàn

ông này nên không đủ căn cứ điều tra mở rộng vụ án, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, nếu có căn cứ sẽ xử lý trong một vụ án khác là đúng quy định pháp luật.

[9] Về vật chứng: Vật chứng vụ án hiện nay Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam **T**, trại giam **Công an tỉnh C** đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 14/6/2026.

Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

- Vật chứng là ma túy đựng trong 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Số 160KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Nông Văn D** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy”, do vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên tịch thu và tiêu hủy;

- 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng (phong bì niêm phong ban đầu, gói ni lông màu đen, băng dính trong suốt) thu giữ đối với **Nông Văn D**”, là vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Vivo màu đen xám bạc, màn hình cảm ứng tạm giữ của **Kiều Hải H1**; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO vỏ màu đen tím tạm giữ của **Lục Văn H4**; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO màu xanh đen tạm giữ của **Hoàng Văn B**; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme màu vàng tạm giữ của **Nông Văn D** là phương tiện liên lạc trao đổi mua bán ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Sam sung A14 vỏ màu trắng bạc tạm giữ của **Đàm Văn T7**: Chiếc điện thoại bị cáo **T7** sử dụng để liên lạc với bị cáo **Kiều Hải H1**, tuy nhiên nội dung không liên quan đến việc trao đổi mua ma túy do đó Hội đồng xét xử trả lại chiếc điện thoại cho bị cáo **T7**.

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter gắn biển kiểm soát 11K1 - 137.96, xe đã qua sử dụng tạm giữ của bị cáo **Lục Văn H4** là phương tiện bị cáo sử dụng đi mua ma túy nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Everest, biển kiểm soát 30A-198.44 thuộc sở hữu của ông **Kiều Hải H2**, bỏ để bị cáo **Kiều Hải H1**; ngày 19/3/2026 bị cáo **H1** sử dụng chiếc xe đi mua ma túy ông không biết nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho ông **H2**.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Cao Bằng tại phiên tòa về mức hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với đề nghị điều luật áp dụng đối với bị cáo **Hoàng Văn B**: Ngày 22/7/2014, **Hoàng Văn B** bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 8 năm tù về Tội mua bán trái phép chất ma túy và ngày 09/06/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 2 năm tù về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy; ngày 29/12/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt chính của bản án năm 2022, tuy bản án năm 2022 đã được xóa án tích nhưng theo quy định tại Điều 73 Bộ luật hình sự thì bản án năm 2014 của bị cáo chưa được xóa án tích, do đó bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đại diện Viện kiểm sát không đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **B** là không đầy đủ.

Đối với đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo **Kiều Hải H1**; xét thấy ngày 14/01/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án số 19/2015/HS-ST, trở về địa phương và ngày 07/01/2016 bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ án phí, phạt bổ sung và tiền truy thu của bản án năm 2015 nên bị cáo đã được xóa án tích; đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” không phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ngoài ra, các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm, tuy nhiên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 không đề nghị áp dụng Điều 17 Bộ luật hình sự là không đầy đủ.

[11] Về án phí: Các bị cáo **Hoàng Văn B**, **Nông Văn D** và **Lục Văn H4** là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo **Đàm Văn T** và **Kiều Hải H1** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Đàm Văn T**, **Kiều Hải H1**, **Hoàng Văn B**, **Lục Văn H4** và **Nông Văn D** phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Đàm Văn T** 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 20/3/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn B** 03 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 20/3/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Kiều Hải H1** 03 năm 03 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 20/3/2026.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nông Văn D** 03 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 19/3/2026.

Xử phạt bị cáo **Lục Văn H4** 03 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam 20/3/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì thư niêm phong:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Số 160KL-KTHS Hoàn mẫu sau giám định vụ **Nông Văn D** có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước phong bì ghi: “Vật chứng (phong bì niêm phong ban đầu, gói ni lông màu đen, băng dính trong suốt) thu giữ đối với **Nông Văn D**”;

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Điện thoại di động Vivo X50 tạm giữ đối với **Kiều Hải H1**”, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu OPPPO tạm giữ đối với **Lục Văn H4**”, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “ Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen tạm giữ đối với **Hoàng Văn B**”, mặt sau phong

bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu vàng tạm giữ đối với **Nông Văn D**”, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**;

+ 01 (một) chiếc xe mô tô gắn biển kiểm soát 11K1 - 137.96, loại xe: hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại: Exciter, màu sơn: đen, số máy: G3D4E1026510, số khung: RLCUG1010LY255472, dung tích xi lanh: 149cm³, năm sản xuất: 2020, số chỗ ngồi: 2, xe đã qua sử dụng tạm giữ đối với bị cáo **Lục Văn H4**.

- Trả cho bị cáo **Đàm Văn T** 01 (một) điện thoại di động được đựng trong 01 phong bì thư niêm phong, mặt trước ghi: “Điện thoại di động Sam sung A14 màu trắng bạc tạm giữ đối với **Đàm Văn T7**”, mặt sau phong bì có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng 04 (bốn) hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh C**.

- Trả cho ông **Kiều Hải H2**, thường trú tại: **Xóm P, xã Q, tỉnh Cao Bằng** 01 chiếc xe ô tô gắn biển kiểm soát 30A-198.44, nhãn hiệu Ford, số máy: WLAT1136963, số khung: RL05SUHMM9ER14087, số loại: Everest, màu sơn: ghi vàng, loại xe: ô tô con, năm sản xuất: 2009, nước sản xuất: Việt Nam.

Xác nhận số vật chứng hiện nay Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Phân trại tạm giam **T**, trại giam **Công an tỉnh C** đang quản lý theo phiếu nhập kho vật chứng và tài liệu, đồ vật ngày 14/6/2026.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo **Đàm Văn T** và **Kiều Hải H1** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo **Hoàng Văn B**, **Nông Văn D** và **Lục Văn H4** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông **Kiều Hải H2** có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- PV06, PC10, PC11 Công an tỉnh Cao Bằng;
- VKSND khu vực 3;
- THADS khu vực 3;
- Công an xã Đàm Thủy;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mã Thị Diệu